

Số: 2806/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả thẩm định hồ sơ dự tuyển lao động hợp đồng năm 2026

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-SYT ngày 12/01/2023 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-BVT ngày 15/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc ban hành Quy chế tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 2232/KH-BVT ngày 29/6/2026 và Thông báo số 2252/TB-BVT ngày 30/6/2026 về Tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026,

Bệnh viện Đa khoa tỉnh thông báo kết quả thẩm định hồ sơ dự tuyển lao động hợp đồng năm 2026 như sau:

STT	Tên Vị trí việc làm	Số NLV cần tuyển dụng	Số lượng hồ sơ dự tuyển	Số hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển	Số hồ sơ không điều kiện dự tuyển
1	Bác sĩ hạng III	30	44	44	0
2	Điều dưỡng hạng III	13	16	16	0
3	Điều dưỡng hạng IV	9	22	22	0
4	Kỹ thuật y hạng III				0
4.1	Kỹ thuật hình ảnh y học	3	5	5	0
4.2	Phục hồi chức năng/ Vật lý trị liệu	3	0	0	0
5	Dược sĩ hạng III	2	13	13	0
6	Công tác xã hội viên	1	6	6	0
7	Kỹ thuật thiết bị y tế hạng III	1	3	3	0
8	Kỹ thuật thiết bị y tế hạng IV	1	0	0	0
9	Kỹ sư (hạng III)				0
9.1	Kỹ sư Điện	1	1	1	0
9.2	Kỹ sư Xây dựng	1	1	1	0
10	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	1	1	0

STT	Tên Vị trí việc làm	Số NLV cần tuyển dụng	Số lượng hồ sơ dự tuyển	Số hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển	Số hồ sơ không điều kiện dự tuyển
11	Chuyên viên về tổng hợp	2	5	5	0
12	Chuyên viên về truyền thông	1	1	1	0
13	Công nghệ thông tin hạng III	2	5	5	0
14	Hộ lý	2	8	8	0
	Tổng cộng:	73	131	131	0

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

Lưu ý: Trường hợp Thí sinh đăng ký dự tuyển còn thiếu bản sao chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các giấy tờ liên quan phải hoàn thiện đủ hồ sơ trước thời điểm bệnh viện tổ chức thi tuyển/xét tuyển đối với các vị trí việc làm. Nếu không hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định nêu trên thì thí sinh không đủ điều kiện tham gia dự tuyển, Hội đồng không có trách nhiệm giải quyết, xử lý.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh thông báo để các thí sinh dự tuyển được biết, thực hiện. Mọi thắc mắc, phản ánh liên hệ Phòng Tổ chức cán bộ, tầng 1 nhà Điều hành, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh). Điện thoại liên hệ: 0203.382.9233 (trong giờ hành chính)./.

Nơi nhận:

- BGĐ BV (báo cáo);
- Phòng TT-HCQT (đăng thông báo);
- Các khoa/phòng trực thuộc BV (để biết);
- Lưu: VT, TCCB.



**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Vũ Anh Tuấn**

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
Hồ sơ dự tuyển lao động hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2026
(Kèm theo Thông báo số 2806/TB-BVT ngày 07/8/2026 của Hội đồng tư vấn tuyển chọn HDLĐ năm 2026)

I. BÁC SĨ HẠNG III (44 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Nguyễn Lê Thị Lan Anh	11/5/2002	Khu Cổ Lễ, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
2	Đoàn Châu Anh	04/12/2000	Tổ 7, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai	Bác sĩ Y khoa	Anh B4	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
3	Đinh Trung Anh	22/11/2022	Khu 5, phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
4	Phạm Quang Anh	30/11/2001	Khu Phố 2, phường Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
5	Phạm Thị Ngọc Ánh	25/12/2002	Tổ 3 khu Yên Cư, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B2	Ứng dụng CNTT	
6	Trần Xuân Ba	15/11/2000	Xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề

7	Trần Quang Bách	17/12/2000	3 Ngõ Gia Tự A Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	Bác sĩ Y khoa Đang học BSNT Ngoại khoa	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Ứng dụng CNTTCB	Đang học BS Nội trú Ngoại khoa
8	Phạm Xuân Bách	28/7/2001	Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTTCB	
9	Nguyễn Thị Kim Chi	25/11/2002	Thôn Kim Châu I, xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	
10	Nguyễn Tiến Đạt	14/08/2002	Tổ 6 Khu Đập nước 2, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
11	Phạm Tuấn Dương	09/12/2002	Số nhà 137, tổ 3 khu phố Cao Thắng 1A, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTTCB	Bổ sung Bằng tốt nghiệp (Hồ sơ mới có Giấy Chứng nhận tốt nghiệp)
12	Nguyễn Thùy Dương	26/11/2002	Khu Cỏ Lẽ, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
13	Nguyễn Việt Hà	26/12/2001	Số 66, đường Nguyễn Du, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTTCB	
14	Hoàng Thanh Hà	03/07/2002	Khu phố Cỏ Lẽ, phường Hoàng Quế, Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B2	Ứng dụng CNTTCB	

15	Ngô Thị Hiền	17/12/2001	Xã Nam An Phú, thành phố Hải Phòng	Bác sĩ Y khoa	Pháp A2	Ứng dụng CNTT	
16	Nguyễn Phương Hoa	21/6/2001	SN38, đường Trần Đại Nghĩa, tổ dân phố Phan Thiết 20, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTT	
17	Đặng Thị Hoài	15/6/2000	Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ y khoa	Anh bậc 3		
18	Nguyễn Đình Hùng	13/02/1987	Khu Cẩm Sơn 2, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ đa khoa; BS Chuyên khoa I Tai mũi họng	Anh B	Tin B	Đang học Chuyên khoa II-Tai mũi họng tại ĐHY dược Hải Phòng, Chứng chỉ hành nghề
19	Đồng Thị Huyền	02/02/2001	Phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Aptis B2	Ứng dụng CNTT	
20	Đặng Thanh Khang	08/9/2001	Xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
21	Nguyễn Văn Khánh	16/3/2000	Phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa Đang học BSNT Ngoại khoa	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Ứng dụng CNTT	Đang học BS Nội trú Ngoại khoa
22	Nguyễn Duy Khánh	06/6/2002	Tổ 1, khu 1A, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Anh bậc 4		

23	Vũ Hoàng Nhật Khánh	09/01/1999	Khu 6 phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ đa khoa	Anh A2	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề chuyên ngành phụ sản; CC siêu âm sản phụ khoa
24	Ma Thị Xuân Kiều	30/08/2000	Thôn Mường, xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3		Có chứng chỉ hành nghề, CC vi phẫu nhãn khoa cơ bản
25	Nguyễn Thị Nhật Lệ	08/01/2001	Tổ 5, Khu Trới 10, Phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
26	Vũ Hoàng Linh	11/09/2000	Nhà 01, tổ 2B khu 9A, phường Bầy Cháy, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa TOEIC	Anh B1	Ứng dụng CNTT	Đang học BS Nội trú Ngoại khoa
27	Nguyễn Đức Long	14/04/2001	Khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
28	Chu Thị Ngọc Mai	13/3/1999	Tổ 11, khu Cao Thắng 1b, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ răng hàm mặt	Anh B1	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
29	Nguyễn Thị Nhung	11/12/2000	Xóm Tân Phong, xã Nam Tuấn, tỉnh Cao Bằng	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
30	Nguyễn Tấn Phát	23/08/2001	Xã Gia Phong, tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ Y khoa Đang học BSNT Ngoại khoa	TOEIC 425	Ứng dụng CNTT	Đang học BS Nội trú Ngoại khoa
31	Phạm Thái Phương	19/12/2002	Xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTT	

32	Đặng Thị Thanh Phương	02/04/2002	Thôn Lê Viễn, Xã An Lạc, tỉnh Bắc Ninh	Bác sĩ y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
33	Trần Đức Quân	21/11/2001	Tổ 9, khu Hồng Hà 4, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh B2	Ứng dụng CNTTCB	
34	Phạm Văn Sinh	17/04/2001	Xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	
35	Nguyễn Đức Thắng	03/10/2001	Khu Bình Dương, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	CC tiếng Anh bậc C	Ứng dụng CNTTCB	
36	Hoàng Dương Thành	14/7/1998	Tổ dân phố Mỹ Sơn, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	IC3	Có chứng chỉ hành nghề
37	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/11/2002	Phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	
38	Bùi Phương Thảo	22/06/2002	Xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ răng hàm mặt	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
39	Phạm Xuân Tiến	06/04/2001	Bắc An Phú, thành phố Hải Phòng	Bác sĩ Y khoa (Đã trúng tuyển BSNT Gây mê hồi sức)	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	Trúng tuyển Nội trú Gây mê hồi sức ĐH Y dược Hải Phòng
40	Nguyễn Thu Trà	26/08/2002	Phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	

41	Lê Thị Vân	02/11/2002	Xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ Y khoa	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
42	Nguyễn Vũ Nguyên Vinh	24/8/2002	Số nhà 33, khu Hồng Hải 6, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ Y khoa (Đã trúng tuyển BSNT Ngoại khoa)	Anh C1	Ứng dụng CNTT	Trúng tuyển Nội trú Ngoại khoa ĐH Y dược Hải Phòng
43	Trần Thị Ái Xuân	01/07/2002	Thôn Đông Châu, xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên	Bác sĩ Y khoa	Ielts 7.0		
44	Đỗ Hải Yên	07/10/2002	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Aptis B2		

II. ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III (16 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Bùi Thị Hồng Anh	30/01/2004	Xã Tiên La, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân điều dưỡng	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
2	Vũ Thị Bình	08/08/2003	Thôn Thống Nhất, xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
3	Nguyễn Thúy Hòa	06/2/2004	Phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Aptis B1	Ứng dụng CNTT	

4	Trần Thị Hòa	28/8//2004	Khu An Biên, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT	
5	Bùi Thị Hoài	18/7/1997	Thôn Đồng Lá, xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh B	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
6	Lương Thị Hương	09/6/2004	phường An sinh, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
7	Vũ Thị Khánh Linh	13/4/2000	Khu Cỏ Lẽ, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh A2	Ứng dụng CNTT	
8	Vũ Thị Thanh Ngân	22/07/2004	Thôn Tân Thành, xã Bình Định, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân điều dưỡng	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
9	Ngô Thảo Nguyên	12/01/2002	Nội Hoàng Tây, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh B2	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
10	Đỗ Thị Kim Oanh	16/12/1996	Tổ 8, khu 7, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh A2	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
11	Quan Thanh Phong	29/7/2004	Thôn Nà Pông, xã Tân Mỹ, tỉnh Tuyên Quang	Cử nhân điều dưỡng	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
12	Đoàn Thị Kim Quy	22/2/2003	Thôn Đông Bách Tính, xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình	Cử nhân điều dưỡng	Anh A2	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề
13	Nguyễn Thị Quỳnh	28/5/2003	Xã Quảng Tân, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh B2	Ứng dụng CNTT	

14	Phạm Huy Sáng	30/8/1994	Xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Cử nhân điều dưỡng	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTTCB	Có chứng chỉ hành nghề
15	Vũ Thị Thảo	23/08/2004	Thôn Thống Nhất, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng	Cử nhân điều dưỡng	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
16	Hoàng Hải Yến	30/11/2003	Khu Hà Trung 1, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	

III. ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV (22 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Lê Ngọc Lan Anh	14/10/2004	Phú Thịnh, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Cao đẳng điều dưỡng	
2	Hồ Tuệ Anh	02/11/2003	Tổ 1 khu 1B, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
3	Bùi Thị Ngọc Diễm	31/12/1994	Tổ 8 khu 10 phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
4	Bùi Thùy Dương	08/10/2004	Tổ 13 khu phố Hồng Gai 1, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
5	Phạm Khánh Huyền	02/02/2003	Tổ 30A, khu 2B, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
6	Phạm Thị Lành	27/8/1993	Tổ 7, khu phố Hà Lâm 3, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề

7	Nịnh Hồng Linh	24/01/2004	Thôn Khe Xa, xã Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
8	Đồng Thị Diệu Linh	23/5/1995	Tổ 2, khu Lán Ga, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
9	Ngô Hà Linh	21/7/2004	Khu 1, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
10	Nguyễn Vĩnh Long	02/1/2001	Xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
11	Phạm Thị Hương Mai	10/3/2002	Phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
12	Lương Minh Nam	25/6/2004	Tổ 22, khu 2B, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
13	Lưu Thùy Ngân	26/8/1995	Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
14	Nguyễn Bích Ngọc	10/10/2002	Phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
15	Nguyễn Ngọc Hải Ninh	08/02/2004	Tổ 5 khu Long Thạch A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
16	Chu Thị Thuý Ninh	12/10/1996	Tổ 11, khu phố Hà Trung 1, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề

17	Nguyễn Phạm Thanh Phương	18/01/2000	Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/10/2004	Tổ 1, Khu Trới 6, Phường Hoàn Bò, Tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
19	Trương Thị Thanh Thảo	13/02/2002	Xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
20	Lục Thị Thu Thảo	08/01/1994	Thôn Chợ - Thống Nhất - Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	
21	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/12/1995	Khu Khe Cát, Đông Mai, Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề
22	Nguyễn Thị Tuyết	17/10/1995	Tổ 3 khu 6 phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh	Cao đẳng điều dưỡng	Có Chứng chỉ hành nghề

IV. KỸ THUẬT Y HÌNH ẢNH Y HỌC (05 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Nguyễn Trung Đức	13/8/2002	Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề

2	Nguyễn Minh Hiếu	04/09/2002	Bản Huồi Luông, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học		Microsoft Office	
3	Nguyễn Khánh Linh	21/12/2004	Tổ 33, khu Hà Trung 4, phường Hà lâm, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
4	Phạm Văn Phong	29/12/2003	Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
5	Đồng Quốc Thành	17/11/2003	phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Aptis B1	Ứng dụng CNTT	

V. DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC (13 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Trần Thị Anh Đào	24/11/2001	Khu Phố Quang Trung 4, Uông Bí, Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh B2	Ứng dụng CNTT	
2	Vũ Đức Đạt	27/01/2003	Thôn Đông Cao - Xã Khúc Thừa Dụ - Thành Phố Hải Phòng	Dược sĩ đại học	Anh B1	Ứng dụng CNTT	
3	Đỗ Thùy Dung	07/08/2000	Tổ 7, khu Trần Hưng Đạo, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh B1	Ứng dụng CNTT	Có chứng chỉ hành nghề; CC đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, CN Nghiệp vụ đầu thầu qua mạng
4	Nguyễn Thu Hằng	28/10/2002	Tổ 16, khu Hồng Hà 9, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh bậc 4	Ứng dụng CNTT	

5	Trần Hồng Hạnh	03/10/2001	Tổ 10, khu 6, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh Bậc 3		
6	Bùi Nhật Long	01/12/2000	Khu phố Phong Cốc 2, phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh Bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	CN Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, CC nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
7	Nguyễn Phương Ngọc	29/11/2003	Thôn Lễ Văn, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên	Dược sĩ đại học	Toiec 630	Ứng dụng CNTTCB	
8	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	09/12/1997	Tổ 56, khu Cao Thắng 6, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh B1	Ứng dụng CNTTCB	
9	Nguyễn Ngọc Quyền	06/06/2002	Tổ 8 khu Hạ Long, phường Móng Cái 2, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh bậc 3	Ứng dụng CNTTCB	
10	Vũ Thu Thảo	27/11/1999	Tổ 2, khu Trới 7, phường Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh A2	Ứng dụng CNTTCB	Có chứng chỉ hành nghề
11	Nguyễn Thị Thu	06/04/2003	Tổ 4, Cầu Sến, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Anh B2		
12	Nguyễn Thu Trà	15/03/2001	Tổ 2, khu Cẩm Thành 7, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Toeic 515	Ứng dụng CNTTCB	
13	Phạm Hoàng Yến	25/12/2003	Thôn Bình Công II, xã Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Dược sĩ đại học	Toeic 685	Ứng dụng CNTTCB	

VI. CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (06 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Lê Ngọc Anh	21/8/2004	phường Cao xanh, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Công tác xã hội		Ứng dụng CNTT	
2	Ngô Linh Chi	24/9/2002	Tổ 3, cum 4, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội	Cử nhân Công tác xã hội			
3	Triệu Thị Hương Giang	22/06/1997	Số nhà 19, tổ 5, khu 7, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Công tác xã hội		Ứng dụng CNTT	
4	Nguyễn Thị Kiều	07/11/2003	Thôn Đông Lãm, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Công tác xã hội		Ứng dụng CNTT	
5	Đặng Thị Như Quỳnh	16/6/2003	phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Công tác xã hội	Anh A2	Ứng dụng CNTT	
6	Phạm Ngọc Thảo	9/6/1993	Tổ 31, khu phố Cao Thắng 3, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Công tác xã hội	Anh bậc 2	Ứng dụng CNTT	

VII. KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ (03 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Đỗ Hồng Công	08/06/1990	Thôn Làng, xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toeic	Ứng dụng CNTT	

2	Nguyễn Thị Hương	10/02/1995	Khu phố Sông Khoai, phường Hiệp Hòa, tỉnh Quảng Ninh	Kỹ sư Kỹ thuật y sinh	Anh A2	Ứng dụng CNTT	
3	Lã Tuấn Minh	27/12/2003	Tổ 91, khu phố Bạch Đằng 6, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Đại học ngành Kỹ thuật y sinh	Toeic	Ứng dụng CNTT	

VIII. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HẠNG III (05 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Nguyễn Anh Đức	02/6/2003	Tổ 2, khu Trới 5, phường Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh	Kỹ sư Kỹ thuật máy tính	Anh bậc 3	
2	Phạm Minh Hiếu	14/04/2003	Tổ 9 khu phố Hà Tu 6, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân công nghệ thông tin	TOEIC	
3	Tạ Duy Minh	26/8/2003	Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Tin học và Kỹ thuật máy tính	TOEIC 945	
4	Nguyễn Khánh Toàn	05/08/2003	Tổ 3 khu Trần Hưng Đạo 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	TOEIC 935	
5	Trần Quang Trung	29/8/2002	Tổ 8, khu phố Yết Kiêu 5, phường Hồng gai, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân công nghệ thông tin	Ielts 7.5	

IX. CHUYÊN VIÊN TỔ CHỨC BỘ MÁY (01 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Vũ Diệu Thư	01/10/2004	Số 60, tổ 11A, khu Quang Trung 3, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Quản trị nhân lực	Anh bậc 4	Microsoft Office	

X. CHUYÊN VIÊN TỔNG HỢP (05 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Bùi Thúy Hiền	08/01/2004	Tổ 1, khu phố thanh Sơn 2, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Anh bậc 4	Microsoft Office	
2	Phạm Thị Thanh Hiền	26/10/2003	Tổ 4, khu phố Yết Kiêu 1, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Anh A2	Ứng dụng CNTT	
3	Nguyễn Tuấn Hiệp	13/01/2003	Số nhà 395A, thôn Nguyễn Du, xã Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Luật kinh tế	Tiếng anh B2	Ứng dụng CNTT	
4	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/11/2004	Khu phố Hồng Hà 5, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	TOEIC 800 (nghe & đọc)	Microsoft Office	
5	Đỗ Thị Phương Thảo	18/01/1998	Tổ 85, khu Bạch Đằng 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Anh A2	Ứng dụng CNTT	CC nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

XI. CHUYÊN VIÊN TRUYỀN THÔNG (01 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Nguyễn Đàm Quang Huy	10/6/2002	Tổ 8, khu Trần Hưng Đạo 1, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân báo chí	Anh B2	Ứng dụng CNTT	

XII. KỸ SƯ ĐIỆN (01 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Nguyễn Quốc Việt	07/4/1986	Thị trấn Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Kỹ sư kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Anh B	Ứng dụng CNTT	

XIII. KỸ SƯ XÂY DỰNG (01 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ		Ghi chú
					Ngoại ngữ	Tin học	
1	Nguyễn Văn Bình	11/6/1982	Khu Hà Tu 6, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	Đại học ngành Xây dựng Dân dụng công nghiệp	Anh A2	Ứng dụng CNTT	

XIV. HỘ LÝ (08 người)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Trần Thị Mai	10/8/1985	Tổ 5, khu Trần Hưng Đạo 1, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
2	Hoàng Thị Bích Ngà	22/8/1992	Tổ 74 khu phố Bạch Đằng 5B, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
3	Bùi Bích Ngân	05/02/1989	Tổ 71 khu phố Bạch Đằng 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
4	Phạm Thị Ninh	11/4/1984	Tổ 9A, khu phố Hà Tu 5, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
5	Nguyễn Thị Thịnh	08/11/1983	Tổ 61, khu Bạch Đằng 4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
6	Nguyễn Hoài Thu	23/12/1994	Tổ 8, khu phố Trần Hưng Đạo 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
7	Vũ Thị Hoài Thương	30/10/1990	Tổ 8, khu phố Trần Hưng Đạo 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	
8	Phùng Thị Ánh Tuyết	31/12/1994	khu Cao Thắng 2A, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Chứng chỉ sơ cấp hộ lý	

Ấn định danh sách này gồm 131 người./

K/My